

#### Lab 4: Web API



## Mục tiêu:

Kết thúc bài thực hành này bạn có khả năng

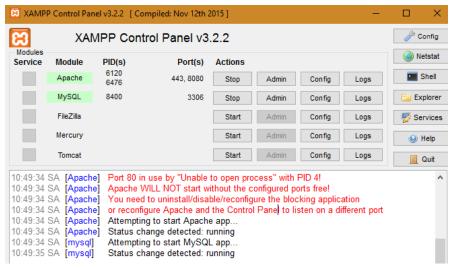
- ✓ Hiểu được Web API
- ✓ Xây dựng DATABASE trên Web Server sử dụng MySQL
- ✓ Sử dụng PHP tạo API login và register

## **BÀI 1 (2 ĐIỂM)**

Tạo cơ sở dữ liệu và Web server cho chương trình đăng nhập, đăng ký của ứng dụng android. Bài 1 sẽ được sử dụng ở bài tiếp theo. Sử dụng mysql của xampp, và php để tương tác với database.

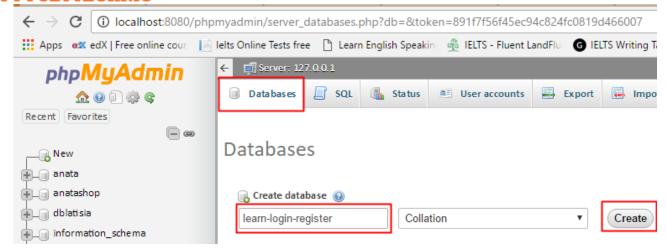
#### Hướng Dẫn:

- ✓ Sinh viên vào địa chỉ <a href="https://www.apachefriends.org/download.html">https://www.apachefriends.org/download.html</a> để cài đặt xampp
- ✓ Sau khi cài xong, start server như sau

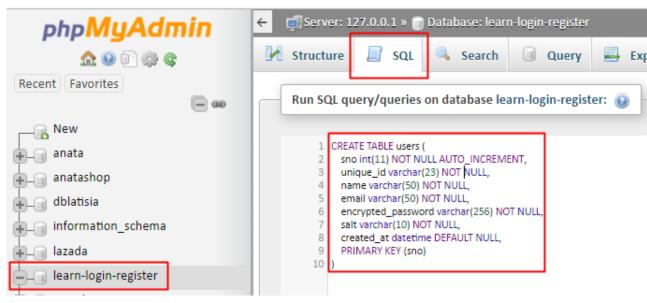


- ✓ Mở trình duyệt gõ địa chỉ <a href="http://localhost/phpmyadmin/">http://localhost/phpmyadmin/</a>
- ✓ Chọn tab Databases, đặt tên và nhấn nút create để tạo database mới





✓ Chọn database vừa tạo, chọn tab SQL, và tiến hành tạo bảng users với các trường sau. Sno là serial number tự động tăng và là khóa chính, encrypted\_password và salt là trường được sử dụng lưu mật khẩu mã hóa và chuỗi random salt



```
CREATE TABLE users (
    sno int(11) NOT NULL AUTO_INCREMENT,
    unique_id varchar(23) NOT NULL,
    name varchar(50) NOT NULL,
    email varchar(50) NOT NULL,
    encrypted_password varchar(256) NOT NULL,
    salt varchar(10) NOT NULL,
    created_at datetime DEFAULT NULL,
    PRIMARY KEY (sno)
)
```

✓ Mở thư mục htdocs ở thư mục xampp, tạo folder mới đặt tên learn-login-



register và tạo 3 file php như sau.

This PC > Local Disk (C:) > xampp > htdocs > learn-login-register			
Name	Date modified	Туре	Size
DBOperations.php	28/12/2016 11:03 SA	PHP File	0 KB
Functions.php	28/12/2016 11:03 SA	PHP File	0 KB
Index.php	28/12/2016 11:03 SA	PHP File	0 KB

✓ File DBOperations.php chứa các hàm kết nối với MySQL database như insertData(), checkLogin(), chekcUserExist()và các câu lệnh thực thi được định nghĩa ở file này.

```
<?php
class DBOperations{
 private $host = '127.0.0.1';
 private $user = 'root';
 private $db = 'learn-login-register';
 private $pass = ";
 private $conn;
public function construct() {
$this -> conn = new PDO("mysql:host=".$this -> host.";dbname=".$this -> db,
$this -> user, $this -> pass);
public function insertData($name,$email,$password){
 $unique id = uniqid(", true);
 $hash = $this->getHash($password);
 $encrypted password = $hash["encrypted"];
 $salt = $hash["salt"];
 $sql = 'INSERT INTO users SET unique id =:unique id,name =:name,
  email =: email, encrypted password =: encrypted password, salt
=:salt,created_at = NOW()';
```



```
$query = $this ->conn ->prepare($sql);
 $query->execute(array('unique id' => $unique id, ':name' => $name, ':email'
=> $email,
  ':encrypted password' => $encrypted password, ':salt' => $salt));
 if ($query) {
    return true;
 } else {
    return false;
 }
}
public function checkLogin($email, $password) {
 $sql = 'SELECT * FROM users WHERE email = :email';
 $query = $this -> conn -> prepare($sql);
 $query -> execute(array(':email' => $email));
 $data = $query -> fetchObject();
 $salt = $data -> salt;
 $db encrypted password = $data -> encrypted password;
 if ($this -> verifyHash($password.$salt,$db encrypted password)) {
    $user["name"] = $data -> name;
    $user["email"] = $data -> email;
    $user["unique id"] = $data -> unique id;
    return $user;
```



```
} else {
   return false;
 }
}
public function checkUserExist($email){
 $sql = 'SELECT COUNT(*) from users WHERE email =:email';
 $query = $this -> conn -> prepare($sql);
 $query -> execute(array('email' => $email));
 if($query){
   $row_count = $query -> fetchColumn();
   if ($row_count == 0){
      return false;
   } else {
      return true;
   }
 } else {
   return false;
 }
}
public function getHash($password) {
```



```
$salt = sha1(rand());
$salt = substr($salt, 0, 10);
$encrypted = password_hash($password.$salt, PASSWORD_DEFAULT);
$hash = array("salt" => $salt, "encrypted" => $encrypted);

return $hash;

}
public function verifyHash($password, $hash) {

return password_verify ($password, $hash);
}
}
```

✓ File Functions.php chứa các hàm gọi các phương thức được định nghĩa ở DBOperations.php xử lý việc đăng nhập, đăng ký, thay đổi mật khẩu và cuối cùng trả kết quả JSON success hoặc failure.

```
<?php

require_once 'DBOperations.php';

class Functions{

private $db;

public function __construct() {

  $this -> db = new DBOperations();
}
```



```
public function registerUser($name, $email, $password) {
 $db = $this -> db;
 if (!empty($name) && !empty($email) && !empty($password)) {
   if ($db -> checkUserExist($email)) {
    $response["result"] = "failure";
    $response["message"] = "User Already Registered !";
    return json encode($response);
   } else {
    $result = $db -> insertData($name, $email, $password);
    if ($result) {
       $response["result"] = "success";
      $response["message"] = "User Registered Successfully !";
      return json encode($response);
    } else {
      $response["result"] = "failure";
      $response["message"] = "Registration Failure";
      return json encode($response);
    }
   }
 } else {
   return $this -> getMsgParamNotEmpty();
```



```
}
}
public function loginUser($email, $password) {
 $db = $this -> db;
 if (!empty($email) && !empty($password)) {
  if ($db -> checkUserExist($email)) {
   $result = $db -> checkLogin($email, $password);
   if(!$result) {
    $response["result"] = "failure";
    $response["message"] = "Invaild Login Credentials";
    return json_encode($response);
   } else {
    $response["result"] = "success";
    $response["message"] = "Login Sucessful";
    $response["user"] = $result;
    return json encode($response);
   }
  } else {
   $response["result"] = "failure";
   $response["message"] = "Invaild Login Credentials";
   return json_encode($response);
```



```
}
 } else {
   return $this -> getMsgParamNotEmpty();
  }
}
public function changePassword($email, $old password, $new password) {
 $db = $this -> db;
 if (!empty($email) && !empty($old_password) && !empty($new_password)) {
  if(!$db -> checkLogin($email, $old_password)){
   $response["result"] = "failure";
   $response["message"] = 'Invalid Old Password';
   return json_encode($response);
  } else {
  $result = $db -> changePassword($email, $new password);
   if($result) {
    $response["result"] = "success";
    $response["message"] = "Password Changed Successfully";
    return json_encode($response);
   } else {
    $response["result"] = "failure";
```



```
$response["message"] = 'Error Updating Password';
    return json_encode($response);
   }
 } else {
   return $this -> getMsgParamNotEmpty();
public function isEmailValid($email){
 return filter_var($email, FILTER_VALIDATE_EMAIL);
public function getMsgParamNotEmpty(){
 $response["result"] = "failure";
 $response["message"] = "Parameters should not be empty !";
 return json encode($response);
}
public function getMsgInvalidParam(){
 $response["result"] = "failure";
 $response["message"] = "Invalid Parameters";
 return json_encode($response);
public function getMsgInvalidEmail(){
```



```
$response["result"] = "failure";
$response["message"] = "Invalid Email";
return json_encode($response);
}
}
```

✓ File Index.php là file chính nhận JSON data từ phía android, parse JSON data và gửi data đến file Functions.php xử lý

```
<?php
require_once 'Functions.php';
$fun = new Functions();
if ($_SERVER['REQUEST_METHOD'] == 'POST')
 $data = json_decode(file_get_contents("php://input"));
 if(isset($data -> operation)){
 $operation = $data -> operation;
 if(!empty($operation)){
   if($operation == 'register'){
     if(isset($data -> user) && !empty($data -> user) && isset($data -> user ->
name)
      && isset($data -> user -> email) && isset($data -> user -> password)){
      $user = $data -> user;
```



```
$name = $user -> name;
      $email = $user -> email;
      $password = $user -> password;
     if ($fun -> isEmailValid($email)) {
      echo $fun -> registerUser($name, $email, $password);
     } else {
      echo $fun -> getMsgInvalidEmail();
    } else {
      echo $fun -> getMsgInvalidParam();
    }
   }else if ($operation == 'login') {
    if(isset($data -> user) && !empty($data -> user) && isset($data -> user ->
email) && isset($data -> user -> password)){
     $user = $data -> user;
     $email = $user -> email;
     $password = $user -> password;
     echo $fun -> loginUser($email, $password);
    } else {
     echo $fun -> getMsgInvalidParam();
```



```
}
   } else if ($operation == 'chgPass') {
    if(isset($data -> user) && !empty($data -> user) && isset($data -> user ->
email) && isset($data -> user -> old_password)
     && isset($data -> user -> new_password)){
     $user = $data -> user;
     $email = $user -> email;
     $old password = $user -> old password;
     $new_password = $user -> new_password;
     echo $fun -> changePassword($email, $old password, $new password);
    } else {
     echo $fun -> getMsgInvalidParam();
    }
   }
 }else{
   echo $fun -> getMsgParamNotEmpty();
 } else {
   echo $fun -> getMsgInvalidParam();
} else if ($ SERVER['REQUEST METHOD'] == 'GET'){
```



```
echo "Learn Login API";
}
```

√ Ví dụ về các đoạn code trên, đăng ký ở android sẽ gửi lên server JSON dạng giống như sau

```
{
   "operation":"register",
   "user":{
        "name":"Nguyen Van A",
        "email":"anv@fpt.edu.vn",
        "password":"anguyen"
   }
}
```

✓ Nếu đăng ký thành công, thì kết quả trả về sẽ là

```
{
"result":"success",
"message":"User Registered Successfully !"
}
```

✓ Còn đăng ký thất bại, thì kết quả trả về sẽ là

```
{
  "result": "failure",
  "message": "User Already Registered !"
}
```

✓ Login có dạng JSON request như sau khi gửi từ android lên server

```
{
   "operation":"login",
   "user":{
      "email":"anv@fpt.edu.vn",
      "password":"anguyen"
   }
}
```

✓ Nếu đăng nhập thành công thì kết quả trả về sẽ là

```
"result": "success",
    "message": "Login Successful",
    "user": {
        "name": "Nguyen Van A",
        "email": "ang@fpt.edu.vn",
        "unique_id": "56fab5891ae0e6.72636328"
}
```



## ✓ Nếu đăng nhập thất bài thì kết quả trả về sẽ là

```
{
"result": "failure",
"message": "Invaild Login Credentials"
}
```

## ✓ Changepassowrd có dạng JSON request như sau

```
{
   "operation":"chgPass",
   "user":{
       "email":"ang@fpt.eud.vn",
       "old_password":"anguyen",
       "new_password":"nguyea"
   }
}
```

# ✓ Nếu thay đổi mật khẩu thành công thì kết quả trả về sẽ là

```
{
"result": "success",
"message": "Password Changed Successfully"
}
```

# ✓ Nếu thay đổi mật khẩu thất bại thì kết quả trả về sẽ là

```
{
"result": "failure",
"message": "Invalid Old Password"
}
```

- ✓ Kết thúc bài 1
- ✓ Bây giờ chúng ta đã tạo thành công PHP API cho Login và Registration.



## **BÀI 2 (2 ĐIỂM)**

Kết hợp với bài 1, viết chương trình đăng nhập, đăng ký với PHP và MySQL trên android. Sử dụng thư viện Retrofit networking của Third party để tương tác với server. Thiết kế giao diện theo chuẩn Material Design và dữ liệu tạm thời sẽ lưu ở SharePreferences.

#### Hướng Dẫn:

✓ Tạo project android trong android studio, mở file build.gradle và import thư viên Design, Retrofit, GSON như sau:

```
dependencies {
   compile fileTree(dir: 'libs', include: ['*.jar'])
   androidTestCompile('com.android.support.test.espresso:espresso-core:2.2.2', {
        exclude group: 'com.android.support', module: 'support-annotations'
   })
   compile 'com.android.support:appcompat-v7:24.2.1'
   testCompile 'junit:junit:4.12'
   compile 'com.android.support:design:24.2.1'
   compile 'com.squareup.retrofit2:retrofit:2.0.0'
   compile 'com.squareup.retrofit2:converter-gson:2.0.0'
}
```

✓ Thêm INTERNET permission ở file AndroidManifest.xml

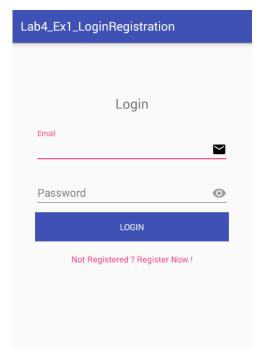
<uses-permission android:name="android.permission.INTERNET"/>

✓ Mở file layout activity main.xml và thay đổi như sau

```
<?xml version="1.0" encoding="utf-8"?>
<android.support.design.widget.CoordinatorLayout</pre>
xmlns:android="http://schemas.android.com/apk/res/android"
    xmlns:tools="http://schemas.android.com/tools"
    android:layout width="match parent"
    android:layout height="match parent"
    android:fitsSystemWindows="true"
tools:context="example.com.android.lab4 ex1 loginregistration.MainActivity">
    <LinearLayout xmlns:android="http://schemas.android.com/apk/res/android"</pre>
        xmlns:tools="http://schemas.android.com/tools"
        android:layout width="match parent"
        android:layout height="match parent">
        <FrameLayout</pre>
            android:id="@+id/fragment frame"
            android:layout width="match parent"
            android:layout height="match parent" />
    </LinearLayout>
</android.support.design.widget.CoordinatorLayout>
```



✓ Tạo file layout mới đặt tên fragment\_login.xml , thiết kế giao diện trang login như bên dưới



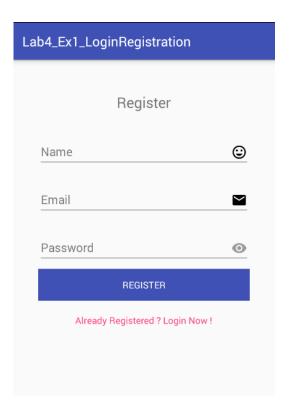
```
<?xml version="1.0" encoding="utf-8"?>
<LinearLayout xmlns:android="http://schemas.android.com/apk/res/android"</pre>
    android:orientation="vertical"
    android:layout marginLeft="40dp"
    android:layout marginRight="40dp"
    android:gravity="center"
    android:layout width="match parent"
    android:layout height="match parent">
    <TextView
        android:text="Login"
        android: textSize="22sp"
        android:textAlignment="center"
        android:layout_marginBottom="20dp"
        android:layout_width="wrap_content"
        android:layout_height="wrap_content" />
    <android.support.design.widget.TextInputLayout</pre>
        android:layout marginTop="8dp"
        android:layout marginBottom="8dp"
        android:layout width="match parent"
        android:layout height="wrap content">
        <EditText
            android:hint="Email"
            android:id="@+id/et email"
            android:drawableRight="@drawable/ic email black 24dp"
            android:inputType="textEmailAddress"
```



```
android:layout width="match parent"
            android:layout_height="wrap content" />
    </android.support.design.widget.TextInputLayout>
    <android.support.design.widget.TextInputLayout</pre>
        android:layout marginTop="8dp"
        android:layout marginBottom="8dp"
        android:layout width="match parent"
        android:layout height="wrap content">
        <EditText
            android:hint="Password"
            android:id="@+id/et password"
            android:drawableRight="@drawable/ic_key_black"
            android:inputType="textPassword"
            android:layout width="match parent"
            android:layout height="wrap content" />
    </android.support.design.widget.TextInputLayout>
    <android.support.v7.widget.AppCompatButton</pre>
        android:id="@+id/btn login"
        android:text="Login"
        android:background="@color/colorPrimary"
        android: textColor="@android:color/white"
        android:layout width="match parent"
        android:layout height="wrap content"/>
    <TextView
        android:id="@+id/tv register"
        android:layout marginTop="20dp"
        android:textColor="@color/colorAccent"
        android:text="Not Registered ? Register Now !"
        android:layout width="wrap content"
        android:layout height="wrap content" />
    < ProgressBar
        style="@style/Base.Widget.AppCompat.ProgressBar"
        android:id="@+id/progress"
        android:visibility="invisible"
        android:layout marginTop="10dp"
        android:layout width="match parent"
        android:layout height="wrap content"
        android:indeterminate="true" />
</LinearLayout>
```

✓ Tạo tiếp layout mới đặt tên fragment\_register.xml, thiết kế giao diện trang Register như bên dưới





```
<?xml version="1.0" encoding="utf-8"?>
<LinearLayout xmlns:android="http://schemas.android.com/apk/res/android"</pre>
    android:orientation="vertical"
    android:layout marginLeft="40dp"
    android:layout_marginRight="40dp"
    android:gravity="center"
    android:layout width="match parent"
    android:layout height="match parent">
    <TextView
        android: text="Register"
        android:textSize="22sp"
        android: textAlignment="center"
        android:layout marginBottom="20dp"
        android:layout width="wrap content"
        android:layout height="wrap content" />
    <android.support.design.widget.TextInputLayout</pre>
        android:layout_marginTop="8dp"
        android:layout_marginBottom="8dp"
        android:layout width="match parent"
        android:layout_height="wrap_content">
        <EditText
            android:hint="Name"
            android:id="@+id/et name"
            android:drawableRight="@drawable/ic mood"
            android:inputType="textPersonName"
            android:layout width="match parent"
            android:layout_height="wrap_content" />
```



```
</android.support.design.widget.TextInputLayout>
<android.support.design.widget.TextInputLayout</pre>
    android:layout marginTop="8dp"
    android:layout marginBottom="8dp"
    android:layout width="match parent"
    android:layout height="wrap content">
    <EditText
        android:hint="Email"
        android:id="@+id/et email"
        android:drawableRight="@drawable/ic email black 24dp"
        android:inputType="textEmailAddress"
        android:layout width="match parent"
        android:layout_height="wrap_content" />
</android.support.design.widget.TextInputLayout>
<android.support.design.widget.TextInputLayout</pre>
    android:layout marginTop="8dp"
    android:layout marginBottom="8dp"
    android:layout width="match parent"
    android:layout height="wrap content">
    <EditText
        android:hint="Password"
        android:id="@+id/et password"
        android:drawableRight="@drawable/ic key black"
        android:inputType="textPassword"
        android:layout width="match parent"
        android:layout height="wrap content" />
</android.support.design.widget.TextInputLayout>
<android.support.v7.widget.AppCompatButton</pre>
    android:id="@+id/btn register"
    android:text="Register"
    android:background="@color/colorPrimary"
    android:textColor="@android:color/white"
    android:layout width="match parent"
    android:layout height="wrap content"/>
<TextView
    android:id="@+id/tv login"
    android:layout marginTop="20dp"
    android:textColor="@color/colorAccent"
    android:text="Already Registered ? Login Now !"
    android:layout width="wrap content"
    android:layout height="wrap content" />
<ProgressBar</pre>
    style="@style/Base.Widget.AppCompat.ProgressBar"
    android:id="@+id/progress"
    android:visibility="invisible"
    android:layout marginTop="10dp"
    android:layout width="match parent"
    android:layout height="wrap content"
    android:indeterminate="true" />
```



</LinearLayout>

- ✓ Bây giờ ta cần tạo 3 model class để giữ Request và Response data. Sau đó data ở những class này sẽ serialized bởi Gson Converter khi ta gửi POST request tới server và ngược lại
- √ Tạo class model mới đặt tên User.java, lớp này sẽ chứa những trường quan trọng chúng ta sử dụng trong android app như là name, email, password, old\_passworld, new\_password, unique\_id. Tạo getters và setters cho các fileds.

```
package example.com.android.lab4 ex1 loginregistration;
public class User {
   private String name;
   private String email;
   private String unique id;
   private String password;
   private String old password;
    private String new password;
    public String getName() {
        return name;
    public void setName(String name) {
        this.name = name;
    public String getEmail() {
        return email;
    public void setEmail(String email) {
        this.email = email;
    public String getUnique id() {
        return unique id;
    public void setUnique id(String unique id) {
        this.unique id = unique id;
    public String getPassword() {
        return password;
    public void setPassword(String password) {
        this.password = password;
```



```
public String getOld_password() {
    return old_password;
}

public void setOld_password(String old_password) {
    this.old_password = old_password;
}

public String getNew_password() {
    return new_password;
}

public void setNew_password(String new_password) {
    this.new_password = new_password;
}
```

✓ Model class tiếp sẽ đặt tên là ServerRequest.java với 2 trường là operation và object của User class.

```
package example.com.android.lab4_ex1_loginregistration;

public class ServerRequest {
    private String operation;
    private User user;

    public void setOperation(String operation) {
        this.operation = operation;
    }

    public void setUser(User user) {
        this.user = user;
    }
}
```

✓ Và model class cuối cùng cho việc Handling Response đặt tên là ServerResponse.java với 3 trường là result, message và user. Trường thứ 3 chỉ sử dụng cho việc đăng nhập.

```
package example.com.android.lab4_ex1_loginregistration;

public class ServerResponse {
    private String result;
    private String message;
    private User user;

    public String getResult() {
        return result;
    }

    public String getMessage() {
        return message;
    }
}
```



```
public User getUser() {
    return user;
}
```

- √ Tạo Retrofit Interface. Ta cần tạo 1 interface và định nghĩa endpoints. Chúng ta sử dụng POST để gửi JSON data. Endpoint được định nghĩa @POST annotation và request URL của ta là <a href="http://192.168.80.1:8080/learn-login-register/">http://192.168.80.1:8080/learn-login-register/</a>, <a href="http://192.168.80.1:8080/labase url và learn-login-regist/r">http://192.168.80.1:8080/labase url và learn-login-regist/r</a>. là endpoint.
- ✓ Trong request method operation() của ta, đối tượng ServerResponse được wrapped trong Call object. Call request sẽ được chạy Asynchronos vì vậy chúng ta không cần lo lắng việc UI blocking hay AsyncTask.
- ✓ Chúng ta đã thiết lập đối tượng ServerRequest như là body cho Request.

  Data được lưu trữ trong ServerRequest object được serialized bở Gson to

  JSON và gửi như là request lên server.
- ✓ Sau khi nhận được JSON response, data sẽ được lưu trữ ở ServerResponse object. Như đã định nghĩa.

✓ Tạo interface mới đặt tên RequestInterface với nội dung như sau

```
package example.com.android.lab4_ex1_loginregistration;

import retrofit2.Call;
import retrofit2.http.Body;
import retrofit2.http.POST;

public interface RequestInterface {
    @POST("learn-login-register/")
    Call<ServerResponse> operation(@Body ServerRequest request);
}
```

✓ Tiếp theo tạo class mới đặt tên Constants.java. lớp này được sử dụng tạo các static variables cho việc sử dụng sau này

```
package example.com.android.lab4_ex1_loginregistration;

public class Constants {
    public static final String BASE_URL = "http://192.168.80.1:8080/";
    public static final String REGISTER_OPERATION = "register";
    public static final String LOGIN_OPERATION = "login";
    public static final String CHANGE_PASSWORD_OPERATION = "chgPass";

    public static final String SUCCESS = "success";
    public static final String FAILURE = "failure";
    public static final String IS_LOGGED_IN = "isLoggedIn";

    public static final String NAME = "name";
    public static final String EMAIL = "email";
```



```
public static final String UNIQUE_ID = "unique_id";

public static final String TAG = "LearnAPI";
}
```

√ Tạo mới Fragment đặt tên là RegisterFragment.java kế thừa Fragment. Trong file này sẽ chứa phương thức registerProcess(), phương thức này được gọi khi butto register nhấn. registerProcess() sẽ xử lý việc kết nối mạng và trả kết quả về.

```
package example.com.android.lab4 ex1 loginregistration;
import android.app.Fragment;
import android.app.FragmentTransaction;
import android.os.Bundle;
import android.support.design.widget.Snackbar;
import android.support.v7.widget.AppCompatButton;
import android.util.Log;
import android.view.LayoutInflater;
import android.view.View;
import android.view.ViewGroup;
import android.widget.EditText;
import android.widget.ProgressBar;
import android.widget.TextView;
import retrofit2.Call;
import retrofit2.Callback;
import retrofit2.Retrofit;
import retrofit2.converter.gson.GsonConverterFactory;
public class RegisterFragment extends Fragment implements
View.OnClickListener{
   private AppCompatButton btn register;
   private EditText et email, et password, et name;
   private TextView tv login;
   private ProgressBar progress;
   @Override
   public View onCreateView (LayoutInflater inflater, ViewGroup container,
Bundle savedInstanceState) {
       View view =
inflater.inflate(R.layout.fragment register, container, false);
       initViews(view);
       return view;
   private void initViews(View view) {
        btn register =
(AppCompatButton) view.findViewById(R.id.btn register);
        tv_login = (TextView) view.findViewById(R.id.tv login);
        et name = (EditText) view.findViewById(R.id.et name);
```



```
et email = (EditText) view.findViewById(R.id.et email);
        et password = (EditText) view.findViewById(R.id.et password);
        progress = (ProgressBar) view.findViewById(R.id.progress);
        btn register.setOnClickListener(this);
        tv login.setOnClickListener(this);
    @Override
   public void onClick(View view) {
        switch (view.getId()) {
            case R.id.tv login:
                goToLogin();
                break;
            case R.id.btn register:
                String name = et name.getText().toString();
                String email = et email.getText().toString();
                String password = et password.getText().toString();
                if(!name.isEmpty() && !email.isEmpty()
&& !password.isEmpty()) {
                    progress.setVisibility(View.VISIBLE);
                    registerProcess (name, email, password);
                } else {
                    Snackbar.make(getView(), "Fields are empty !",
Snackbar.LENGTH LONG) .show();
                break;
   private void registerProcess(String name, String email, String password)
        Retrofit retrofit = new Retrofit.Builder()
                .baseUrl(Constants.BASE URL)
                .addConverterFactory(GsonConverterFactory.create())
                .build();
        RequestInterface requestInterface =
retrofit.create(RequestInterface.class);
        User user = new User();
        user.setName(name);
        user.setEmail(email);
        user.setPassword(password);
        ServerRequest request = new ServerRequest();
        request.setOperation(Constants.REGISTER OPERATION);
        request.setUser(user);
        Call<ServerResponse> response = requestInterface.operation(request);
        response.enqueue(new Callback<ServerResponse>()
```



```
@Override
            public void onResponse(Call<ServerResponse> call,
retrofit2.Response<ServerResponse> response) {
                ServerResponse resp = response.body();
                Snackbar.make(getView(), resp.getMessage(),
Snackbar. LENGTH LONG) . show();
                progress.setVisibility(View.INVISIBLE);
            @Override
            public void onFailure(Call<ServerResponse> call, Throwable t) {
                progress.setVisibility(View.INVISIBLE);
                Log.d(Constants.TAG, "failed");
                Snackbar.make(getView(), t.getLocalizedMessage(),
Snackbar.LENGTH LONG) .show();
        });
    private void goToLogin() {
        Fragment login = new LoginFragment();
        FragmentTransaction ft = getFragmentManager().beginTransaction();
        ft.replace (R.id. fragment frame, login);
        ft.commit();
```

Tương tự tạo Fragment mới đặt tên LoginFragment.java. ở file này nêu đăng nhập thành công thì các giá trị sẽ được lưu ở SharedPreferences và người dùng sẽ được chuyển hướng đến Profile Fragment. Chúng ta cũng sẽ lưu 1 biến boolean trong SharedPreferences để kiểm tra người dùng đăng nhập hay không.

```
package example.com.android.lab4_ex1_loginregistration;
import android.app.Fragment;
import android.app.FragmentTransaction;
import android.content.SharedPreferences;
import android.os.Bundle;
import android.support.annotation.Nullable;
import android.support.design.widget.Snackbar;
import android.support.v7.widget.AppCompatButton;
import android.util.Log;
import android.view.LayoutInflater;
import android.view.View;
import android.view.ViewGroup;
import android.widget.EditText;
import android.widget.ProgressBar;
import android.widget.TextView;
```



```
import retrofit2.Call;
import retrofit2.Callback;
import retrofit2.Response;
import retrofit2.Retrofit;
import retrofit2.converter.gson.GsonConverterFactory;
public class LoginFragment extends Fragment implements View.OnClickListener
    private AppCompatButton btn login;
    private EditText edt email, edt password;
   private TextView tv register;
   private ProgressBar progressBar;
   private SharedPreferences pref;
    @Nullable
    @Override
   public View onCreateView(LayoutInflater inflater, ViewGroup container,
Bundle savedInstanceState) {
        View view = inflater.inflate(R.layout.fragment login, container,
false);
        initViews (view);
        return view;
   private void initViews(View view) {
        pref = getActivity().getPreferences(0);
        btn login = (AppCompatButton) view.findViewById(R.id.btn login);
        edt email = (EditText) view.findViewById(R.id.et email);
        edt_password = (EditText) view.findViewById(R.id.et_password);
        tv register = (TextView) view.findViewById(R.id.tvRegister);
        progressBar = (ProgressBar) view.findViewById(R.id.progress);
        tv register.setOnClickListener(this);
        btn login.setOnClickListener(this);
    @Override
    public void onClick(View view) {
        switch (view.getId()) {
            case R.id.btn login:
                String email = edt email.getText().toString();
                String password = edt password.getText().toString();
                if(!email.isEmpty() && !password.isEmpty()){
                    progressBar.setVisibility(View.VISIBLE);
                    loginProcess (email, password);
                }else {
                    Snackbar.make(getView(), "Fields are
empty !", Snackbar.LENGTH LONG).show();
                break;
            case R.id.tvRegister:
Snackbar.make(getView(),"Hello",Snackbar.LENGTH LONG).show();
                goToRegister();
                break;
```



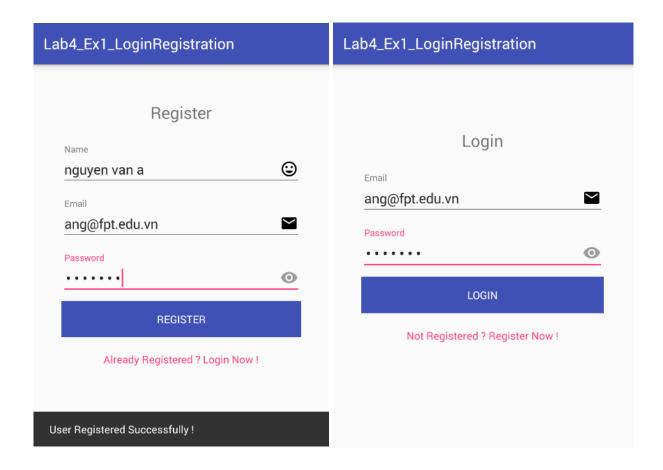
```
private void loginProcess(String email, String password){
        Retrofit retrofit = new Retrofit.Builder()
                .baseUrl(Constants.BASE URL)
                .addConverterFactory(GsonConverterFactory.create())
                .build();
        RequestInterface requestInterface =
retrofit.create(RequestInterface.class);
       User user = new User();
        user.setEmail(email);
        user.setPassword(password);
        ServerRequest request = new ServerRequest();
        request.setOperation(Constants.LOGIN OPERATION);
        request.setUser(user);
        Call<ServerResponse> response = requestInterface.operation(request);
        response.enqueue(new Callback<ServerResponse>() {
            @Override
            public void onResponse(Call<ServerResponse> call,
Response<ServerResponse> response) {
                ServerResponse resp = response.body();
Snackbar.make(getView(),resp.getMessage(),Snackbar.LENGTH LONG).show();
                if(resp.getResult().equals(Constants.SUCCESS)){
                    SharedPreferences.Editor editor = pref.edit();
                    editor.putBoolean(Constants.IS LOGGED IN, true);
editor.putString(Constants.EMAIL, resp.getUser().getEmail());
                    editor.putString(Constants.NAME,
resp.getUser().getName());
editor.putString(Constants.UNIQUE ID, resp.getUser().getUnique id());
                    editor.apply();
                    goToProfile();
                progressBar.setVisibility(View.INVISIBLE);
            }
            @Override
            public void onFailure(Call<ServerResponse> call, Throwable t) {
                progressBar.setVisibility(View.INVISIBLE);
                Log.d(Constants.TAG, "failed");
Snackbar.make(getView(),t.getMessage(),Snackbar.LENGTH LONG).show();
        });
   private void goToRegister() {
        Fragment register = new RegisterFragment();
        FragmentTransaction ft = getFragmentManager().beginTransaction();
        ft.replace(R.id.fragment frame, register);
```



```
ft.commit();
}

private void goToProfile() {
    Fragment profile = new ProfileFragment();
    FragmentTransaction ft = getFragmentManager().beginTransaction();
    ft.replace(R.id.fragment_frame, profile);
    ft.commit();
}
```

Chúng ta đã hoàn chỉnh chức năng đăng ký, đăng nhập cho ứng dụng, ở bài tiếp theo ta sẽ làm tiếp phần hiển thị thông tin user và tạo chức năng thay đổi mật khẩu cho người dùng.



# **B**ÀI **3** (**2** ĐIỂM)

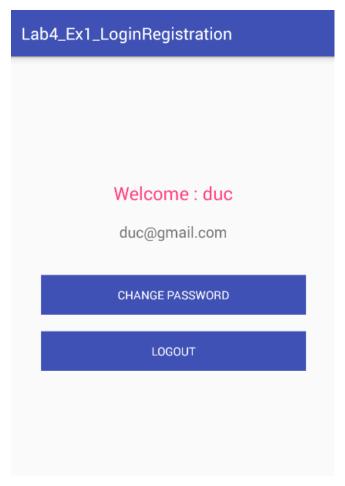
Kết hợp với bài 1 và 2, xây dựng trang Profile, tạo thêm chức changePassword với



PHP và MySQL trên android. Sử dụng thư viện Retrofit networking của Third party để tương tác với server. Modern Material Design.

## Hướng dẫn:

✓ Tạo file layout mới đặt tên là fragment\_profile.xml và thiết kế giao diện như bên dưới:



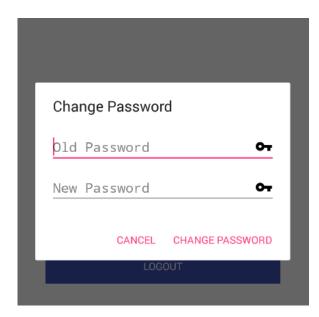
```
<?xml version="1.0" encoding="utf-8"?>
<LinearLayout xmlns:android="http://schemas.android.com/apk/res/android"
    android:orientation="vertical"
    android:layout_marginLeft="40dp"
    android:layout_marginRight="40dp"
    android:gravity="center"
    android:layout_width="match_parent"
    android:layout_height="match_parent">

<TextView
    android:id="@+id/tv_name"
    android:layout_marginTop="20dp"
    android:textSize="22sp"
    android:textColor="@color/colorAccent"
    android:layout_width="wrap_content" />
    android:layout_height="wrap_content" />
```



```
<TextView
        android:id="@+id/tv email"
        android:textSize="18sp"
        android:layout marginTop="20dp"
        android:layout width="wrap content"
        android:layout height="wrap content" />
    <android.support.v7.widget.AppCompatButton</pre>
        android:id="@+id/btn chg password"
        android:layout_marginTop="40dp"
        android:text="Change Password"
        android:background="@color/colorPrimary"
        android:textColor="@android:color/white"
        android:layout_width="match_parent"
        android:layout height="wrap content" />
    <android.support.v7.widget.AppCompatButton</pre>
        android:id="@+id/btn logout"
        android:layout marginTop="20dp"
        android:text="Logout"
        android:background="@color/colorPrimary"
        android:textColor="@android:color/white"
        android:layout width="match parent"
        android:layout height="wrap content" />
</LinearLayout>
```

✓ Ta cần tạo cho Dialog 1 layout, đặt tên là dialog\_change\_password.xml, và thiết kế giao diện như bên dưới:



```
<?xml version="1.0" encoding="utf-8"?>
<LinearLayout xmlns:android="http://schemas.android.com/apk/res/android"</pre>
```



```
android:orientation="vertical"
   android:paddingLeft="20dp"
   android:paddingRight="20dp"
   android:paddingTop="20dp"
   android:paddingBottom="20dp"
   android:layout width="match parent"
   android:layout height="wrap content">
   <EditText
       android:id="@+id/et old password"
       android:hint="Old Password"
       android:drawableRight="@drawable/ic key black"
       android:inputType="textPassword"
       android:layout width="match parent"
       android:layout_height="wrap_content" />
    <EditText
       android:layout marginTop="10dp"
       android:id="@+id/et new password"
       android:drawableRight="@drawable/ic key black"
       android:hint="New Password"
       android:inputType="textPassword"
       android:layout width="match parent"
       android:layout height="wrap content" />
   <TextView
       android:visibility="gone"
       android:id="@+id/tv message"
       android:layout marginTop="10dp"
       android:drawableLeft="@drawable/ic error black"
       android:gravity="center"
       android:layout_width="wrap_content"
       android:layout height="wrap content" />
   <ProgressBar
       style="@style/Base.Widget.AppCompat.ProgressBar"
       android:id="@+id/progress"
       android: visibility="gone"
       android:layout marginTop="10dp"
       android:layout width="match parent"
       android:layout height="wrap content"
       android:indeterminate="true" />
</LinearLayout>
```

✓ Tiếp đến tạo class mới đặt tên ProfileFragment.java, lớp này sẽ xử lý việc hiển thị các giá trị đã được lưu ở SharedPreferences lên textview. Thêm vào đó là xử lý chức năng cho 2 button changePassword và Logout.

```
package example.com.android.lab4_ex1_loginregistration;
import android.app.Fragment;
import android.app.FragmentTransaction;
import android.content.DialogInterface;
```



```
import android.content.SharedPreferences;
import android.os.Bundle;
import android.support.annotation.Nullable;
import android.support.design.widget.Snackbar;
import android.support.v7.app.AlertDialog;
import android.support.v7.widget.AppCompatButton;
import android.util.Log;
import android.view.LayoutInflater;
import android.view.View;
import android.view.ViewGroup;
import android.widget.EditText;
import android.widget.ProgressBar;
import android.widget.TextView;
import com.google.gson.Gson;
import com.google.gson.GsonBuilder;
import retrofit2.Call;
import retrofit2.Callback;
import retrofit2.Response;
import retrofit2.Retrofit;
import retrofit2.converter.gson.GsonConverterFactory;
 * Created by Han on 28/12/2016.
public class ProfileFragment extends Fragment implements
View.OnClickListener {
    private TextView tv_name, tv_email, tv_message;
    private SharedPreferences pref;
    private AppCompatButton btn change password, btn logout;
   private EditText edt old password, edt new password;
   private AlertDialog dialog;
    private ProgressBar progressBar;
    @Nullable
    @Override
   public View onCreateView(LayoutInflater inflater, ViewGroup container,
Bundle savedInstanceState) {
        View view = inflater.inflate(R.layout. fragment profile, container,
false);
        initViews(view);
        return view;
    }
    @Override
    public void onViewCreated(View view, Bundle savedInstanceState) {
        pref = getActivity().getPreferences(0);
        tv name.setText("Welcome : " + pref.getString(Constants.NAME, ""));
        tv email.setText(pref.getString(Constants.EMAIL, ""));
    private void initViews(View view) {
        tv name = (TextView) view.findViewById(R.id.tv name);
        tv email = (TextView) view.findViewById(R.id.tv email);
```



```
btn_change_password = (AppCompatButton)
view.findViewById(R.id.btn chg password);
        btn logout = (AppCompatButton) view.findViewById(R.id.btn logout);
        btn change password.setOnClickListener(this);
        btn logout.setOnClickListener(this);
    @Override
    public void onClick(View view) {
        switch (view.getId()) {
            case R.id.btn chg password:
                showDialog();
                break;
            case R.id.btn logout:
                logout();
                break;
        }
    private void showDialog() {
        AlertDialog.Builder builder = new
AlertDialog.Builder(getActivity());
        LayoutInflater inflater = getActivity().getLayoutInflater();
        View view = inflater.inflate(R.layout.dialog change password, null);
        edt_old_password = (EditText)
view.findViewById(R.id.et old password);
        edt new password = (EditText)
view.findViewById(R.id.et new password);
        tv message = (TextView) view.findViewById(R.id.tv message);
        progressBar = (ProgressBar) view.findViewById(R.id.progress);
        builder.setView(view);
        builder.setTitle("Change Password");
        builder.setPositiveButton("Change Password", new
DialogInterface.OnClickListener() {
            @Override
            public void onClick(DialogInterface dialogInterface, int i) {
        });
        builder.setNegativeButton("Cancel", new
DialogInterface.OnClickListener() {
            @Override
            public void onClick(DialogInterface dialogInterface, int i) {
                dialogInterface.dismiss();
        });
        dialog = builder.create();
        dialog.show();
        dialog.getButton(AlertDialog.BUTTON POSITIVE).setOnClickListener(new
View.OnClickListener() {
            @Override
            public void onClick(View view) {
                String old password = edt old password.getText().toString();
                String new password = edt new password.getText().toString();
                if (!old password.isEmpty() && !new password.isEmpty()) {
                    progressBar.setVisibility(View.VISIBLE);
                    changePasswordProcess(tv email.getText().toString(),
old password, new password);
```

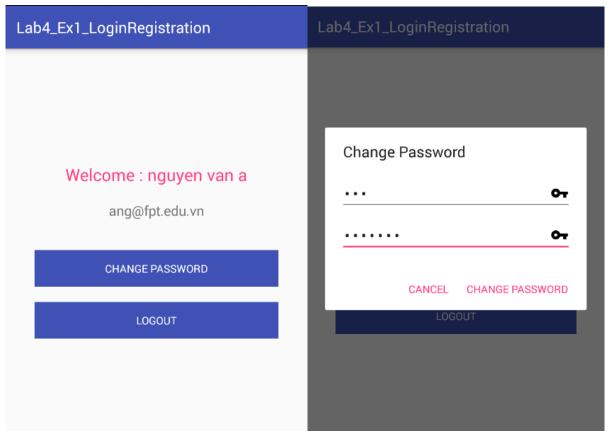


```
else {
                    tv message.setVisibility(View.VISIBLE);
                    tv message.setText("Fields are empty");
            }
        });
   private void logout() {
        SharedPreferences.Editor editor = pref.edit();
        editor.putBoolean(Constants. IS LOGGED IN, false);
        editor.putString(Constants.NAME, "");
        editor.putString(Constants.EMAIL, "");
        editor.putString(Constants.UNIQUE ID, "");
        editor.apply();
       goToLogin();
   private void goToLogin() {
        Fragment login = new LoginFragment();
        FragmentTransaction ft = getFragmentManager().beginTransaction();
        ft.replace(R.id. fragment frame, login);
        ft.commit();
   private void changePasswordProcess(String email, String old password,
String new password) {
        Gson gson = new GsonBuilder()
                .setLenient()
                .create();
       Retrofit retrofit = new Retrofit.Builder()
                .baseUrl (Constants.BASE URL)
                .addConverterFactory(GsonConverterFactory.create())
                .build();
       RequestInterface requestInterface =
retrofit.create(RequestInterface.class);
       User user = new User();
       user.setEmail(email);
        user.setOld password(old password);
        user.setNew password(new password);
        ServerRequest request = new ServerRequest();
        request.setOperation(Constants.CHANGE PASSWORD OPERATION);
        request.setUser(user);
        Call<ServerResponse> response = requestInterface.operation(request);
        response.enqueue(new Callback<ServerResponse>() {
            @Override
            public void onResponse(Call<ServerResponse> call,
retrofit2.Response<ServerResponse> response) {
                ServerResponse resp = response.body();
                if (resp.getResult().equals(Constants.SUCCESS)) {
```

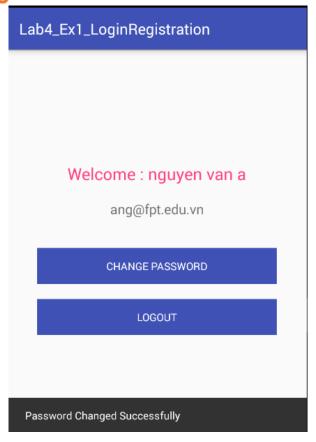


```
progressBar.setVisibility(View.GONE);
                    tv message.setVisibility(View.GONE);
                    dialog.dismiss();
                    Snackbar.make(getView(), resp.getMessage(),
Snackbar.LENGTH LONG) .show();
                } else {
                    progressBar.setVisibility(View.GONE);
                    tv message.setVisibility(View.VISIBLE);
                    tv message.setText(resp.getMessage());
            }
            @Override
            public void onFailure(Call<ServerResponse> call, Throwable t) {
                Log.d(Constants.TAG, "failed "+t.getMessage());
                progressBar.setVisibility(View.GONE);
                tv message.setVisibility(View.VISIBLE);
                tv message.setText(t.getMessage());
        });
```

✓ Chạy ứng dụng và xem kết quả như bên dưới







# **BÀI 4 (2 ĐIỂM)**

Kết hợp với bài 1 và 2, tạo chức năng resetPassword với PHP và MySQL trên android. Sử dụng thư viện Retrofit networking của Third party để tương tác với server và thư viện PHPMailer cho việc gửi reset password tới mail.

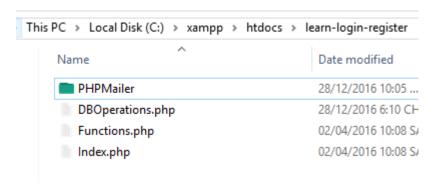
### Hướng Dẫn:

✓ Ta và phpMyadmin và tạo thêm 1 bảng trong database ở bài 1 như sau :

```
CREATE TABLE password_reset_request (
sno int(11) NOT NULL AUTO_INCREMENT,
email varchar(50) NOT NULL,
encrypted_temp_password varchar(256) NOT NULL,
salt varchar(10) NOT NULL,
created_at datetime DEFAULT NULL,
PRIMARY KEY (sno)
)
```



✓ Ta sẽ sử dụng thư viện PHPMailer cho việc gửi mail từ localhost. Download php từ <u>Github</u> repository này. Giải nén và Copy PHPMailer vừa download về vào thư mục root project: learn-login-register -> PHPMailer



- √ ở file DBOperations.php ta sẽ thêm 2 phương thức passwordResetRequest() và resetPassword(). passwordResetRequest() method cho bước đầu tiền của quá trình reset password. 1 random string sẽ được tạo và lưu vào database với thời gian và email. Code này sẽ được gửi đến user bằng email. Nếu dòng đã tồn tại thì sẽ được update new data.
- ✓ Phương thức resetPassword() cho bước cuối cùng. Unique code được xác nhận bởi thời gian đếm ngược. nếu thời gian nhỏ hơn 120 giây mật khẩu cũ sẽ được thay thể với mật khẩu mới.
- ✓ Mở file DBOperations.php và thêm đoạn code như bên dưới

```
public function passwordResetRequest($email){
    $random_string =
    substr(str_shuffle(str_repeat("0123456789abcdefghijkImnopqrstuvwxyz", 6)), 0,
    6);
    $hash = $this->getHash($random_string);
    $encrypted_temp_password = $hash["encrypted"];
    $salt = $hash["salt"];

$sql = 'SELECT COUNT(*) from password reset request WHERE email
```



```
=:email';
    $query = $this -> conn -> prepare($sql);
    $query -> execute(array('email' => $email));
    if($query){
      $row count = $query -> fetchColumn();
      if ($row_count == 0){
        $insert_sql = 'INSERT INTO password_reset_request SET email
=:email,encrypted temp password =:encrypted temp password,
        salt =:salt,created at = :created at';
        $insert query = $this ->conn ->prepare($insert sql);
        $insert_query->execute(array(':email' => $email,
':encrypted_temp_password' => $encrypted_temp_password,
            ':salt' => $salt, ':created at' => date("Y-m-d H:i:s")));
        if ($insert_query) {
          $user["email"] = $email;
          $user["temp password"] = $random string;
```



```
return $user;
        } else {
          return false;
        }
      } else {
        $update sql = 'UPDATE password reset request SET email
=:email,encrypted_temp_password =:encrypted_temp_password,
        salt =:salt,created_at = :created_at';
        $update query = $this -> conn -> prepare($update sql);
        $update_query -> execute(array(':email' => $email,
':encrypted_temp_password' => $encrypted_temp_password,
            ':salt' => $salt, ':created at' => date("Y-m-d H:i:s")));
        if ($update_query) {
          $user["email"] = $email;
          $user["temp_password"] = $random_string;
          return $user;
```



```
} else {
        return false;
      }
    }
  } else {
    return false;
  }
}
public function resetPassword($email,$code,$password){
  $sql = 'SELECT * FROM password_reset_request WHERE email = :email';
  $query = $this -> conn -> prepare($sql);
  $query -> execute(array(':email' => $email));
  $data = $query -> fetchObject();
  $salt = $data -> salt;
  $db_encrypted_temp_password = $data -> encrypted_temp_password;
  if ($this -> verifyHash($code.$salt,$db_encrypted_temp_password) ) {
```



```
$old = new DateTime($data -> created_at);
  $now = new DateTime(date("Y-m-d H:i:s"));
  $diff = $now->getTimestamp() - $old->getTimestamp();
  if($diff < 120) {
    return $this -> changePassword($email, $password);
  } else {
    false;
} else {
  return false;
}
```

✓ Tiếp đến mở file Functions.php và thêm đoạn code import thư viện sau và 2 phương thức resetPasswordRequest() và resetPassword().



```
require_once 'DBOperations.php';
require 'PHPMailer/PHPMailerAutoload.php';
class Functions{
private $db;
private $mail;

public function __construct() {
    $this -> db = new DBOperations();
    $this -> mail = new PHPMailer;
}
```

```
public function resetPasswordRequest($email){
    $db = $this -> db;
    if ($db -> checkUserExist($email)) {
      $result = $db -> passwordResetRequest($email);
      if(!$result){
        $response["result"] = "failure";
        $response["message"] = "Reset Password Failure";
        return json_encode($response);
```



```
} else {
        $mail result = $this ->
sendEmail($result["email"],$result["temp_password"]);
        if($mail_result){
          $response["result"] = "success";
          $response["message"] = "Check your mail for reset password code.";
          return json encode($response);
        } else {
          $response["result"] = "failure";
           $response["message"] = "Reset Password Failure";
          return json_encode($response);
        }
      }
    } else {
      $response["result"] = "failure";
      $response["message"] = "Email does not exist";
```



```
return json_encode($response);
  }
}
public function resetPassword($email,$code,$password){
  $db = $this -> db;
  if ($db -> checkUserExist($email)) {
    $result = $db -> resetPassword($email,$code,$password);
    if(!$result){
      $response["result"] = "failure";
      $response["message"] = "Reset Password Failure";
      return json_encode($response);
    } else {
      $response["result"] = "success";
```



```
$response["message"] = "Password Changed Successfully";
    return json_encode($response);

} else {

$response["result"] = "failure";
    $response["message"] = "Email does not exist";
    return json_encode($response);
}
```

✓ Thêm tiếp 2 phương thức là sendEmail() và sendPHPMail(). 2 PT này được sử dụng cho việc gửi email.

```
public function sendEmail($email,$temp_password){
    $mail = $this -> mail;
    $mail->isSMTP();
    $mail->Host = 'smtp.gmail.com';
    $mail->SMTPAuth = true;
    $mail->Username = 'your.email@gmail.com';
```



```
$mail->Password = 'password';
    $mail->SMTPSecure = 'ssl';
    \text{$mail->Port} = 465;
    $mail->From = 'your.email@gmail.com';
    $mail->FromName = 'Your Name';
    $mail->addAddress($email, 'Your Name');
    $mail->addReplyTo('your.email@gmail.com', 'Your Name');
    $mail->WordWrap = 50;
    $mail->isHTML(true);
    $mail->Subject = 'Password Reset Request';
    $mail->Body = 'Hi,<br>> Your password reset code is
<b>'.$temp password.'</b> . This code expires in 120 seconds. Enter this code
within 120 seconds to reset your password.<br>>Thanks,<br>Learn2Crack.';
    if(!$mail->send()) {
      return $mail->ErrorInfo;
    } else {
```



```
return true;
    }
 }
  public function sendPHPMail($email,$temp_password){
    $subject = 'Password Reset Request';
    $message = 'Hi,nn Your password reset code is '.$temp_password.' . This
code expires in 120 seconds. Enter this code within 120 seconds to reset your
password.nnThanks,nLearn2Crack.';
    $from = "your.email@example.com";
    $headers = "From:" . $from;
    return mail($email,$subject,$message,$headers);
```

✓ Mở file index.php thêm 2 điều kiện resPassReq và resPass để handle quá trình reset password.

```
Else if ($operation == 'resPassReq') {

if(isset($data -> user) && !empty($data -> user) &&isset($data -> user -> email)){
```



```
$user = $data -> user;
$email = $user -> email;
echo $fun -> resetPasswordRequest($email);
} else {
echo $fun -> getMsgInvalidParam();
}else if ($operation == 'resPass') {
if(isset($data -> user) && !empty($data -> user) && isset($data -> user -> email)
&& isset($data -> user -> password)
&& isset($data -> user -> code)){
$user = $data -> user;
$email = $user -> email;
$code = $user -> code;
$password = $user -> password;
```



```
echo $fun -> resetPassword($email,$code,$password);
} else {
echo $fun -> getMsgInvalidParam();
}
```

✓ Request từ android lên server tương tự như sau

```
{
   "operation":"resPassReq",
   "user":{
       "email":"raj.amalw@learn2crack.com"
}
}
```

✓ Nếu request success thì response như sau

```
{
   "result": "success",
   "message": "Check your mail for reset password code."
}
```

√ Và request kết thúc quá trình reset password sẽ giống như sau

```
"operation":"resPass",
   "user":{
      "email":"raj.amalw@learn2crack.com",
      "code":"bcfqa3",
      "password":"rajamalw"
```



```
}
```

✓ Nếu request success thì kết qua như sau

```
{
   "result": "success",
   "message": "Password Changed Successfully"
}
```

✓ Tạo file layout mới đặt tên fragment\_password\_reset.xml. Thêm 3 EditText để nhập email, code and password. Và textview hiển thị countdown timer.

```
<?xml version="1.0" encoding="utf-8"?>
<LinearLayout xmlns:android="http://schemas.android.com/apk/res/android"</pre>
    android:orientation="vertical"
    android:layout marginLeft="40dp"
    android:layout marginRight="40dp"
    android:gravity="center"
    android:layout width="match parent"
    android:layout height="match parent">
    <TextView
        android: text="Learn2Crack"
        android:textSize="22sp"
        android:textAlignment="center"
        android:layout marginBottom="20dp"
        android:layout width="wrap content"
        android:layout height="wrap content" />
    <TextView
        android:id="@+id/timer"
        android:textSize="22sp"
        android:textStyle="bold"
        android:layout width="wrap content"
        android:layout height="wrap content" />
    <android.support.design.widget.TextInputLayout</pre>
        android:layout marginTop="8dp"
        android:layout marginBottom="8dp"
        android:layout_width="match_parent"
        android:layout height="wrap content">
        <EditText
            android:hint="Email"
            android:id="@+id/et email"
            android:drawableRight="@drawable/ic email black 24dp"
            android:inputType="textEmailAddress"
            android:layout width="match parent"
            android:layout height="wrap content" />
```



```
</android.support.design.widget.TextInputLayout>
    <android.support.design.widget.TextInputLayout</pre>
        android:layout marginTop="8dp"
        android:layout marginBottom="8dp"
        android:layout width="match parent"
        android:layout height="wrap content">
        <EditText
            android:hint="Code"
            android:id="@+id/et code"
            android:drawableRight="@drawable/ic key black"
            android:inputType="textPassword"
            android:layout width="match parent"
            android:layout height="wrap content" />
    </android.support.design.widget.TextInputLayout>
    <android.support.design.widget.TextInputLayout</pre>
        android:layout marginTop="8dp"
        android:layout marginBottom="8dp"
        android:layout width="match parent"
        android:layout height="wrap content">
        <EditText
            android:hint="Password"
            android:id="@+id/et password"
            android:drawableRight="@drawable/ic key black"
            android:inputType="textPassword"
            android:layout_width="match_parent"
            android:layout_height="wrap_content" />
    </android.support.design.widget.TextInputLayout>
    <android.support.v7.widget.AppCompatButton</pre>
        android:id="@+id/btn reset"
        android:text="Forgot Password"
        android:background="@color/colorPrimary"
        android: textColor="@android:color/white"
        android:layout width="match parent"
        android:layout_height="wrap_content"/>
    < ProgressBar
        style="@style/Base.Widget.AppCompat.ProgressBar"
        android:id="@+id/progress"
        android:visibility="invisible"
        android:layout marginTop="10dp"
        android:layout width="match parent"
        android:layout_height="wrap_content"
        android:indeterminate="true" />
</LinearLayout>
```



✓ Mở file Constants.java thêm 2 constant sau :

```
public static final String RESET_PASSWORD_INITIATE = "resPassReq";
public static final String RESET_PASSWORD_FINISH = "resPass";
```

✓ Mở tiếp file User.java và thêm trường code .

```
private String code;
```

✓ Tạo Fragment mới đặt tên ResetpasswordFragment.java, khởi tạo, ánh xạ các view và bắt sư kiên click cho button

```
package example.com.android.lab4 ex1 loginregistration;
import android.app.Fragment;
import android.os.Bundle;
import android.os.CountDownTimer;
import android.support.design.widget.Snackbar;
import android.support.v7.widget.AppCompatButton;
import android.view.LayoutInflater;
import android.view.View;
import android.view.ViewGroup;
import android.widget.EditText;
import android.widget.ProgressBar;
import android.widget.TextView;
public class ResetPasswordFragment extends Fragment implements
View.OnClickListener{
   private AppCompatButton btn reset;
   private EditText et email, et code, et password;
   private TextView tv timer;
   private ProgressBar progress;
   private boolean isResetInitiated = false;
   private String email;
   private CountDownTimer countDownTimer;
    @Override
   public View onCreateView (LayoutInflater inflater, ViewGroup container,
Bundle savedInstanceState) {
       View view =
inflater.inflate(R.layout.fragment password reset, container, false);
       initViews(view);
       return view;
   private void initViews(View view){
        btn_reset = (AppCompatButton) view.findViewById(R.id.btn reset);
```



```
tv_timer = (TextView)view.findViewById(R.id.timer);
et_code = (EditText)view.findViewById(R.id.et_code);
et_email = (EditText)view.findViewById(R.id.et_email);
et_password = (EditText)view.findViewById(R.id.et_password);
et_password.setVisibility(View.GONE);
et_code.setVisibility(View.GONE);
tv_timer.setVisibility(View.GONE);
btn_reset.setOnClickListener(this);
progress = (ProgressBar)view.findViewById(R.id.progress);

}

@Override
public void onClick(View view) {
    switch (view.getId()) {
    }
}
}
```

✓ Trong FragmentResetPassword Thêm 2 phương initiateResetPasswordProcess() và finishResetPasswordProcess(). Khi success response được nhận thì trong initiateResetPasswordProcess() count down timer bắt đầu, hidden code và new password field được hiển thị. Sau khi nhận code và new password thì finishResetPasswordProcess() được gọi. nếu thời gian hết thì tư đông quay trở lai trang login.

```
private void initiateResetPasswordProcess(String email) {
    Retrofit retrofit = new Retrofit.Builder()
            .baseUrl (Constants.BASE URL)
            .addConverterFactory(GsonConverterFactory.create())
            .build();
    RequestInterface requestInterface =
retrofit.create(RequestInterface.class);
   User user = new User();
    user.setEmail(email);
    ServerRequest request = new ServerRequest();
    request.setOperation(Constants. RESET PASSWORD INITIATE);
    request.setUser(user);
    Call<ServerResponse> response = requestInterface.operation(request);
    response.enqueue(new Callback<ServerResponse>() {
        @Override
        public void onResponse(Call<ServerResponse> call,
Response<ServerResponse> response) {
            ServerResponse resp = response.body();
            Snackbar.make(getView(), resp.getMessage(),
Snackbar.LENGTH_LONG();
            if(resp.getResult().equals(Constants.SUCCESS)) {
                Snackbar.make(getView(), resp.getMessage(),
```



```
Snackbar. LENGTH LONG) . show();
                et email.setVisibility(View.GONE);
                et code.setVisibility(View.VISIBLE);
                et password.setVisibility(View.VISIBLE);
                tv timer.setVisibility(View.VISIBLE);
                btn reset.setText("Change Password");
                isResetInitiated = true;
                startCountdownTimer();
            } else {
                Snackbar.make(getView(), resp.getMessage(),
Snackbar.LENGTH LONG) .show();
            progress.setVisibility(View.INVISIBLE);
        @Override
        public void onFailure(Call<ServerResponse> call, Throwable t) {
            progress.setVisibility(View.INVISIBLE);
            Log.d(Constants.TAG, "failed");
            Snackbar.make(getView(), t.getLocalizedMessage(),
Snackbar. LENGTH LONG) . show();
    });
private void finishResetPasswordProcess(String email, String code, String
password) {
    Retrofit retrofit = new Retrofit.Builder()
            .baseUrl (Constants.BASE URL)
            .addConverterFactory(GsonConverterFactory.create())
            .build();
    RequestInterface requestInterface =
retrofit.create(RequestInterface.class);
    User user = new User();
    user.setEmail(email);
    user.setCode(code);
    user.setPassword(password);
    ServerRequest request = new ServerRequest();
    request.setOperation(Constants.RESET PASSWORD FINISH);
    request.setUser(user);
    Call<ServerResponse> response = requestInterface.operation(request);
    response.enqueue (new Callback < Server Response > () {
        @Override
        public void onResponse(Call<ServerResponse> call,
Response<ServerResponse> response) {
            ServerResponse resp = response.body();
            Snackbar.make(getView(), resp.getMessage(),
Snackbar. LENGTH LONG) . show();
            if(resp.getResult().equals(Constants.SUCCESS)) {
                Snackbar.make(getView(), resp.getMessage(),
```



```
Snackbar. LENGTH LONG) . show();
                countDownTimer.cancel();
                isResetInitiated = false;
                goToLogin();
            } else {
                Snackbar.make(getView(), resp.getMessage(),
Snackbar.LENGTH LONG) .show();
            progress.setVisibility(View.INVISIBLE);
        }
        @Override
        public void onFailure(Call<ServerResponse> call, Throwable t) {
            progress.setVisibility(View.INVISIBLE);
            Log.d(Constants.TAG, "failed");
            Snackbar.make(getView(), t.getLocalizedMessage(),
Snackbar.LENGTH LONG) .show();
    });
```

## √ Thêm tiếp 2 phương thức startCountdownTimer() và goToLogin()



✓ Xử lý sự kiện click cho button

```
public void onClick(View view) {
    switch (view.getId()) {
        case R.id.btn reset:
            if (!isResetInitiated) {
                email = et email.getText().toString();
                if (!email.isEmpty()) {
                    progress.setVisibility(View.VISIBLE);
                    initiateResetPasswordProcess(email);
                    Snackbar.make(getView(), "Fields are empty !",
Snackbar.LENGTH LONG) .show();
            } else {
                String code = et code.getText().toString();
                String password = et password.getText().toString();
                if (!code.isEmpty() && !password.isEmpty()) {
                    finishResetPasswordProcess(email, code, password);
                } else {
                    Snackbar.make(getView(), "Fields are empty !",
Snackbar. LENGTH LONG) . show();
            break;
```

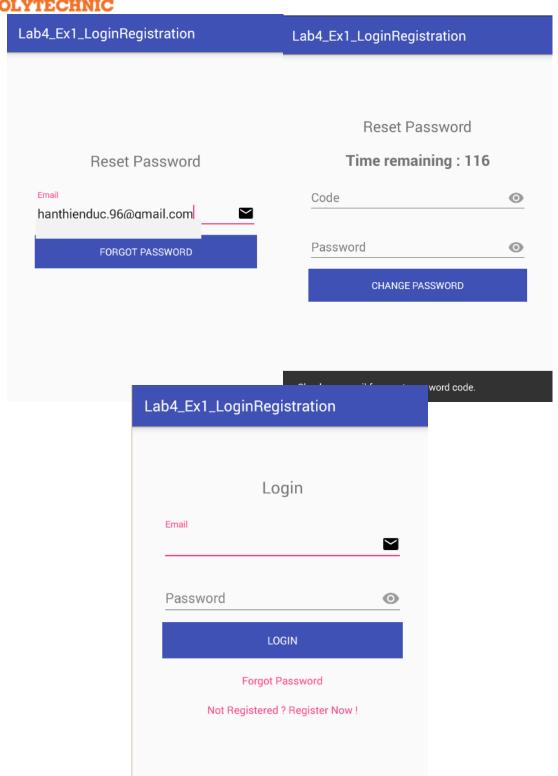
✓ Cuối cùng qua LoginFragment thêm phương thức để bắt sự kiện chuyển sang trang FragmentResetPassword

```
private void goToResetPassword() {

   Fragment reset = new ResetPasswordFragment();
   FragmentTransaction ft = getFragmentManager().beginTransaction();
   ft.replace(R.id.fragment_frame, reset);
   ft.commit();
}
```

✓ Chạy ứng dụng và xem kết quả như bên dưới







Android Network TRANG 59